

Tri thức dân gian về các hiện tượng thiên nhiên của một số tộc người miền núi phía Bắc

Võ Thị Mai Phương^(*)

Tóm tắt: Các tộc người thiểu số ở Việt Nam nói chung và đặc biệt là những tộc người thiểu số vùng miền núi phía Bắc như người Hmông, Dao, Tày, Nùng, Thái... là những cư dân sống bằng nông nghiệp trồng trọt lâu đời. Các yếu tố thời tiết, thời gian rất quan trọng, tác động đến hiệu quả và năng suất của cây trồng. Vì vậy, họ đã tích lũy được những kinh nghiệm dân gian phong phú để ứng xử với các hiện tượng thiên nhiên. Trải qua từ đời này đến đời khác, những kinh nghiệm đó được bổ sung và kiểm nghiệm trong thực tế, nó giúp cho người nông dân nắm được quy luật vận động của thời tiết có ảnh hưởng đến mùa màng theo chu kỳ một năm và có thể nhiều năm để có những ứng xử thích hợp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Những kinh nghiệm, tri thức này sẽ được làm sáng tỏ trong bài viết dưới đây.

Từ khóa: Tri thức dân gian, Thời tiết, Khí hậu, Dân tộc miền núi phía Bắc

Kiến thức bản địa (indigenous knowledge), kiến thức địa phương (local knowledge) hay tri thức truyền thống (traditional knowledge) là hệ thống tri thức mà người dân ở một cộng đồng tích lũy và phát triển dựa trên kinh nghiệm, đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn và thường xuyên thay đổi để thích nghi với môi trường văn hóa, xã hội. Ở Việt Nam, các tộc người thiểu số nói chung và đặc biệt là những tộc người thiểu số vùng miền núi phía Bắc như Hmông, Dao, Tày, Nùng, Thái, Khơ mú... đều là những cư dân sống bằng nông nghiệp trồng trọt lâu đời. Qua kinh nghiệm được đúc kết từ đời này qua đời khác, các

tộc người thiểu số ở Việt Nam đã nắm được quy luật vận động của thời tiết có ảnh hưởng đến mùa màng theo chu kỳ một năm và có thể nhiều năm để ứng xử với các hiện tượng thiên nhiên xảy ra, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Cũng chính vì lẽ đó mà tri thức địa phương không giống với tri thức khoa học. Nó được hình thành chủ yếu dựa vào sự tích lũy mò mẫm chứ không phải dựa vào những thử nghiệm mang tính khoa học và hệ thống (Lê Trọng Cúc, Kathleen Gillogly, A. Terry Rambo, 1990: 12). Vốn tri thức để dự báo các hiện tượng thiên nhiên đó được tồn tại và phát triển chủ yếu thông qua trí nhớ và truyền miệng, qua các câu châm ngôn, thành ngữ, tục ngữ, qua thực hành lao động hàng ngày của người nông dân. Nó vốn là kinh nghiệm của con người

^(*) TS., Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: phuongme@gmail.com.

được tích lũy và trải qua quá trình hoạt động lâu dài nhằm thích ứng và biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội, phục vụ cho lợi ích vật chất và tinh thần của bản thân và cộng đồng.

I. Tri thức dân gian về dự báo thời tiết, khí hậu

1. Nhận biết qua hệ thống thực vật

Theo kinh nghiệm của người Dao, chi cần xem lá chuối rừng cũng có thể đoán được trời mưa hay hạn. Trời đang nắng hạn, nếu thấy nhiều nơi trong rừng có hiện tượng lá chuối non mới nhú ra khỏi thân tự nhiên gãy một đoạn ngắn phía ngọn thì báo hiệu trời sắp mưa.

Ở một số địa phương người Dao thường có thói quen xem lá cây trâu, kể cả loại trâu mọc tự nhiên trong rừng để đoán thời tiết. Nếu thấy lá trâu chuyển sang màu trắng thì sắp tới trời sẽ hạn hán kéo dài.

Người Hmông cho rằng, nếu các loại hoa nở trong mùa xuân như đào, lê, mận nở đồng đều giữa các cây thì mùa màng sẽ bội thu. Ngược lại, các cây hoa nở lác đác (nở hoa từ ngọn trở xuống, cây nở hoa sớm, cây nở muộn) thì mùa màng năm đó thất bát do mưa nhiều.

Với người Thái, năm nào cây muỗm (*mã muôm*) sai quả thì có mưa bão to, đến thời điểm quả sắp chín thì sắp có bão (bão tháng Năm, Sáu).

Người Mường cũng cho rằng, năm nào cây muỗm sai quả thì bão xảy ra nhiều và lớn. Năm nào đầu năm ong bò vẽ mà làm tổ ở thấp (gốc cây, bụi) là có bão to. Điều này đã kiểm chứng đúng với các năm 1986, 2005, 2013.

Tuy nhiên, trong quá trình nhận biết những thay đổi của tự nhiên, đồng bào không những chỉ dựa vào hệ thống cây, cỏ mà còn kết hợp với những thay đổi về đặc

điểm của các con vật hay một số hiện tượng khác trong tự nhiên, từ đó đưa ra các phán đoán tương đối chính xác về thời tiết khí hậu.

2. Nhận biết qua hệ thống động vật

Dựa trên những đặc điểm của các con vật mà người Dao cũng đã phán đoán được thời tiết. Họ có thói quen quan sát tổ ong để phán đoán thời tiết trong năm. Từ tháng Giêng đến tháng Tư, nếu vào rừng gặp ong (*mười diáng đài*) làm tổ ở các lùm cây thấp gần mặt đất thì năm đó có gió bão hoặc mưa to ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch của cây trồng. Trường hợp vào tháng Ba - tháng con hổ (*diền*) và tháng Tư - tháng con mèo - (*máo*), thấy nhiều bướm trắng (*xia pàng pe*) bay quanh bờ suối, dọc đường hoặc quanh nhà thì chắc chắn sẽ bị hạn hán từ 1 đến 2 tháng.

Trong năm, nếu thấy nhiều con *no còng quét* (một loại chim rừng màu hơi đen) thường kêu về mùa xuân, hè, vào buổi sáng hoặc buổi tối và nếu thấy vừa kêu, vừa bay ngược lên núi thì chắc chắn là trời sắp nắng. Trong thời gian đang nắng nhiều mà thấy loại chim này vừa kêu, vừa bay xuống núi là trời sẽ mưa. Chim này dự báo về thời tiết khá chính xác nên được người người Dao nhiều địa phương gọi là chim cầu mưa (*no txing bjung*).

Người Hmông cho rằng, trong mùa mưa hoặc mùa thu, nếu thấy kiến ở xung quanh nhà dọn ổ (dọn theo trứng) là dấu hiệu sắp mưa dài ngày, đặc biệt thấy kiến ở bờ suối dọn tổ là sẽ có nước lũ to. Những sông suối hoặc đồng ruộng có cua nhiều, nếu gặp cua lên bờ bò vào rừng, đi ra các ngã đường thì trời sắp mưa to, có lũ lớn, vì cua bò ra khỏi suối là hiện tượng cua tránh nước lũ để khỏi trôi theo dòng nước.

Người Khơ mú cũng có những dự báo về các hiện tượng thời tiết sắp xảy ra trong một thời gian ngắn như mưa lũ, nắng hạn. Chẳng hạn, khi đang trong đợt nắng kéo dài thấy có tiếng nai kêu hoặc kiến vàng dọn tổ thì báo hiệu hiện tượng sắp có mưa lũ đến. Hàng năm vào tháng Ba, tháng Tư (lịch Khơ mú) thấy bướm trắng ra nhiều, bay dọc theo suối cạn là báo hiệu thời tiết sẽ có hạn hán kéo dài.

Đồng bào Thái ở Tây Bắc có thể biết trước thời tiết qua tiếng kêu của một số con côn trùng: con bọ chong đò (tựa như con cào cào) kêu thì trời sẽ chuyển từ nắng sang mưa; kiến leo cao là trời sắp mưa.

Đồng bào các dân tộc Tày, Nùng cũng dựa vào đặc điểm các con vật để có những dự báo như:

- Hoẵng cười (kêu) trời nắng
- Nai giác (kêu) trời mưa

Theo các cách phán đoán trên, người ta biết được lượng mưa hoặc gió bão trong năm, mặc dù chưa thật chính xác nhưng đã giúp ích cho kế hoạch định hướng sản xuất và bảo vệ các vật nuôi, cây trồng (Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý, 1999: 331).

3. Nhận biết qua một số biểu hiện khác trong tự nhiên

Trước đây, khi chưa có thông tin về dự báo thời tiết của quốc gia, cứ đến ngày 30 Tết, người Dao có tục lệ lấy một chai nước suối nút chặt nắp đem cân lên để biết trọng lượng ban đầu, sau đó đặt ở dưới bàn thờ tổ tiên chỗ sát vách. Sáng mùng một Tết đem chai nước trên ra cân thử, nếu thấy trọng lượng như đã cân tối qua thì nghĩa là năm mới cũng sẽ mưa như năm cũ, nếu trọng lượng nhiều hơn - năm mới sẽ mưa nhiều hơn, còn trường hợp trọng lượng giảm đi thì năm mới sẽ mưa ít. Để kiểm nghiệm kết quả dự đoán bằng việc cân đo

trọng lượng nước, người ta còn tính ngày từ ngày mùng 1 đến ngày 12. Trong 12 ngày đó, nếu ngày con rồng rơi vào những ngày từ mùng 1 đến mùng 2 thì năm mới sẽ mưa nhiều, nhất là rơi vào mùng 1; ngày rồng ở trong khoảng từ mùng 3 đến mùng 5 thì sẽ mưa bình thường vừa đủ cho sản xuất, còn ngày con rồng nằm trong khoảng từ mùng 6 đến ngày 12 thì mưa ít và người sản xuất nông nghiệp cần có kế hoạch làm nương phai chống hạn hán cho hoa màu (Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý, 1999: 330).

Qua kinh nghiệm đúc kết lại của nhiều thế hệ người Hmông, họ chỉ cần biết hướng gió thổi là có thể đoán định được thời tiết. Chẳng hạn như, thấy gió thổi từ Nam sang Bắc thì trời sẽ rất nắng, còn gió thổi ngược lại từ Bắc sang Nam thì trời sẽ mưa.

Khi người Khơ mú thấy rằng đầu mùa hạ mà nắng nóng kéo dài (trước lũ tiêu mần hai tháng), nếu trời buổi trưa đột ngột có mây trắng kéo xuống thấp bao quanh mặt trời và mây đen kéo đến rất nhanh thì họ vội vàng thu dọn các thứ vì sắp có lốc mạnh kèm theo mưa đá.

Kinh nghiệm dân gian của đồng bào Tày, Nùng liên quan đến dự báo thời tiết thông qua sự biến đổi của các hiện tượng thiên nhiên cũng rất phong phú, được thể hiện ở các câu thành ngữ như:

Lửa cháy kiềng thì nắng (*fây mây kiềng fạ đét*)

Lửa liềm chảo thì mưa (*fây mây héc fạ phân*)

Người Hmông thì lại nhận xét về hiện tượng đám mây: Vòng gần (thì) chóng mưa, vòng xa (thì) lâu mưa...

Ở một số nơi đồng bào Thái còn dự báo thời tiết qua sự thay đổi màu sắc của thanh

tầm sét đã được chế thành nhẫn đeo tay, khi nhẫn có sắc sáng tươi là trời mưa hoặc râm mát, còn khi trời sắp chuyển sang nắng, sắc nhẫn sẽ chuyển thành màu nâu thẫm.

II. Phán đoán mùa vụ qua hệ thống nông lịch của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Trong hoạt động mưu sinh, không có tộc người nào lại không cố gắng hình thành cho mình một biểu lịch, dù là “*nông lịch*”, “*thương lịch*” hay “*ngư lịch*”... Mỗi biểu lịch thể hiện trình độ nhận thức, cách khám phá, tiếp cận hợp lý nhất với thế giới tự nhiên để sinh tồn.

1. Hệ thống nông lịch đối với sản xuất cây lương thực

Đối với người Dao, những tri thức về phán đoán thời vụ của họ cũng rất phong phú, một số kinh nghiệm của họ như từ cuối tháng con hổ (tháng Ba) đến đầu tháng con rồng (tháng Năm) nếu thấy có con chim rừng giống như con điều hâu (*kéng ca lăc*) kêu là thời tiết sẽ ấm áp, có thể trồng ngô và các hoa màu khác. Nếu thấy hoa rau muống rừng (*xâu dòng phăng*) nở đỏ rực là dấu hiệu trời ấm áp không rét trở lại, có thể gieo cấy sớm. Nhìn thấy cây ruột gà (*chang cang pen*) nở hoa đợt một thì cây lúa sớm, nở hoa đợt hai thì nên tập trung cấy lúa màu, nếu đợt đến đợt nở hoa tiếp theo sẽ muộng cấy lúa và sẽ bị dân làng chê cười. Nghe thấy loại ve rừng to bằng ngón tay có màu vằn xám (*kênh nhoi*) kêu là báo hiệu vụ mùa gieo lúa nương, cấy lúa mùa. ... (Hoàng Hữu Bình, 1998: 167).

Người Hmông cũng có nhiều kinh nghiệm trong việc phán đoán thời tiết dựa vào năm nhuận để áp dụng vào các công việc sản xuất. Chẳng hạn, những năm nhuận thì thường nắng lâu, kéo dài hơn những năm bình thường, vì vậy mà thời vụ sản xuất

thường lùi chậm lại một tháng. Họ quan sát thấy cây đùm đùm (*txir plaux đăngx*) bắt đầu ra nụ, hay cây đa (*phangx khuv*) rụng lá, loại cây này chỉ rụng lá trong 3 ngày là những dấu hiệu tốt để gieo mạ.

Dự báo thời tiết thông qua kinh nghiệm dân gian của đồng bào Tày, Nùng dựa trên các hiện tượng, đặc điểm của cây cối cũng rất phong phú, từ đó họ có những ứng xử thích hợp cho việc sản xuất nông nghiệp:

- Hoa trâu rụng, ngô xuống đất;
- Quả nhót đỏ trên cây phai mương phải sửa;
- Dâu da chín tím màu dái ngựa thì cấy lúa.

Công việc làm ăn, công việc mùa màng của nhà nông thường liên quan mật thiết với ngày Đông chí. “*Tung cây xo, co tình pò tý đày; Tung cây nhì, co tấu tí tú dai*” (Nghĩa là ngày Đông chí đến vào thượng tuần thì năm sau mưa gió thuận hòa, cây trồng trên đỉnh núi cũng được thu hoạch; ngày Đông chí đến vào hạ tuần, năm sau sẽ hạn hán to, cây trồng ở đồng cũng không được ăn).

Cũng được đúc kết từ nhiều đời nay, người Thái có kinh nghiệm về thời vụ gieo cấy qua các hiện tượng tự nhiên như:

Quả đa chín thì gieo mạ; Quả nhội chín thì cấy ruộng (*mák hay súc vản cá mák há súc đăm na*).

Sau những đợt mưa phùn nhỏ vào đầu tháng đến giữa tháng Sáu (lịch Khơ mú) nghe thấy chim *pipero* (loại chim to bằng nắm tay, lông màu nâu) kêu thì bắt đầu tra ngô sớm và như vậy sẽ tốt; nếu để đến cuối tháng Sáu, con chim *tà* kêu mà còn chưa gieo xong thì dù có gieo cũng không có thu hoạch. Đầu tháng Tám khi con chim *ka ra vang* (loại chim to hơn con ve sầu, lông màu đỏ, hay ăn quả chín vữa) kêu từng hồi thì

khẩn trương thu ngô sớm, dọn nương tra đậu. Khi cây *man rơ* ra hoa (có hoa đỏ giống như cây gạo) thì bắt đầu tra lúa sớm, như vậy là kịp thời vụ (Viện Dân tộc học, 1999: 316).

Người Hmông cũng đã đúc kết nhiều kinh nghiệm dựa trên những phán đoán từ các hiện tượng tự nhiên để tiến hành công việc sản xuất. Trong năm, khi thấy hoa mận còn đang nở rộ thì chưa gieo ngô được, vì nếu gieo sớm quá sẽ gặp nắng nhiều, ngô sẽ bị héo. Còn nếu quả mận to bằng ngón tay út thì lại quá vụ, ngô mọc chậm, lại bị mưa nhiều hạt lép. Tốt nhất là gieo ngô khi quả mận to bằng hạt gạo là lúc đúng thời vụ nhất, cây mọc nhanh, khoẻ, hạt chắc.

Những tộc người sống ở vùng cao, chủ yếu canh tác nương rẫy thì giải pháp mùa vụ của họ phải phù hợp với điều kiện tự nhiên. Họ có những cách tính nông lịch riêng, ưu việt nhất đối với bản thân họ để duy trì được cuộc sống bằng chính sức lao động của mình thông qua một nền nông nghiệp khép kín và gần như độc canh cây ngô, còn các hoạt động kinh tế khác hoàn toàn chỉ mang tính hỗ trợ.

2. Cách tính thời gian và mùa vụ của các dân tộc

Ngoài trồng trọt ra, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đan lát, thu hái lâm sản và săn bắt là những hoạt động sản xuất mang lại thu nhập không nhỏ cho đời sống kinh tế gia đình. Song, các hoạt động sản xuất này luôn bị chi phối bởi các mùa thời tiết ở khu vực cư trú. Khí hậu nước ta thường chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô, nhưng ở miền Bắc đặc trưng hai mùa với mùa khô và lạnh, mùa mưa và nóng. Mùa khô bắt đầu từ cuối tháng Mười, đầu tháng Mười một đến tháng Tư và mùa mưa bắt

đầu từ cuối tháng Năm đến tháng Mười tính theo âm lịch, lũ lớn vẫn thường xảy ra vào tháng Sáu và Bảy. Những cơn mưa đầu mùa vào quãng từ giữa tháng Tư hoặc đầu tháng Năm là thời điểm thích hợp nhất cho việc tra hạt. Khi cây lúa, cây ngô đã được một đến hai tháng tuổi thì có nhiều trận mưa lớn xuất hiện. Lúc này sức chống chịu của cây trồng cũng đã ổn định hơn. Như thế cũng đủ để thấy rằng, nghề nông trồng lúa hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên, thời tiết và khí hậu cụ thể của từng vùng. Tất cả những công việc khác như tra ngô, trồng đậu, gặt hái, thu hoạch, lễ cơm mới... đều phụ thuộc vào chu kỳ thời tiết. Tuy nhiên, để phân chia thời gian hợp lý đối với công việc từng mùa trong năm, người ta phải cần đến hai yếu tố khác nữa, đó là hệ thống số đếm và những hiểu biết về vũ trụ. Lịch được ra đời trước hết là do nhu cầu của sản xuất, sau đó là để tạo thuận lợi cho sinh hoạt và đời sống, cho nên chính nó đã phản ánh một cách sinh động các công việc sản xuất, đời sống xã hội và nghi lễ cổ truyền của các cộng đồng.

Hệ thống đếm các khoảng thời gian như ngày, tháng, năm, mùa của lịch Khơ mú luôn tuân theo một quy tắc nhất định. Quy tắc này dựa vào các chu kỳ trong tự nhiên, sự chuyển động của mặt trời, mặt trăng trên bầu trời sao mà con người quan sát được từ trái đất. Mặc dù các yếu tố thời tiết này là do mặt trời quyết định, nhưng lại chịu sự ảnh hưởng không nhỏ của mặt trăng. Lịch Khơ mú tính theo lịch trăng (âm lịch); chia năm thành 12 tháng, mỗi tháng được chia làm 30 ngày. So với hệ thống âm lịch, lịch người Khơ mú sớm hơn hai tháng, nhưng lại muộn hơn lịch người Thái bốn tháng (Viện Dân tộc học, 1999: 306-307).

Mùa	Lịch Kinh	Lịch Thái	Lịch Khơ mú
Xuân	Tháng Giêng Tháng Hai Tháng Ba	Tháng Bảy Tháng Tám Tháng Chín	Tháng Ba Tháng Tư Tháng Năm
Hạ	Tháng Tư Tháng Năm Tháng Sáu	Tháng Mười Tháng Một Tháng Chạp	Tháng Sáu Tháng Bảy Tháng Tám
Thu	Tháng Bảy Tháng Tám Tháng Chín	Tháng Giêng Tháng Hai Tháng Ba	Tháng Chín Tháng Mười Tháng Một
Đông	Tháng Mười Tháng Một Tháng Chạp	Tháng Tư Tháng Năm Tháng Sáu	Tháng Chạp Tháng Giêng Tháng Hai

Sự hiểu biết và quan niệm về vũ trụ của người Khơ mú được thể hiện qua thiên văn học về cách tính thời gian của tháng. Nếu như các mùa, lịch được tính dựa theo chu kỳ thời tiết và các hiện tượng tự nhiên bởi sự chuyển động của mặt trời thì trong một tháng, lịch Khơ mú lại dựa vào sự chuyển động và ảnh hưởng của mặt trăng. Căn cứ vào quan sát chu kỳ biến đổi của mặt trăng từ trái đất, người Khơ mú chia các khoảng thời gian trong tháng thành ba thời kỳ: *mông khươn*, *mông phênh* và *mông loách* (trăng mọc, trăng tròn và trăng lặn). *Mông khươn* bắt đầu từ mông một đến ngày 13, đây là thời kỳ trăng bắt đầu nhú dần. Vào thời gian này các cây (có chất ngứa) tiết ra chất ngứa nhiều hơn so với các thời gian khác trong tháng. Theo kinh nghiệm của đồng bào, nếu hái các thứ lá, cây có củ, thảo mộc thân mềm, khoai sọ, cây ráy... nên tránh những ngày đầu tháng. *Mông phênh* từ ngày 14 đến ngày 16 trong tháng, là thời kỳ trăng tròn và sáng nhất. Thời kỳ này các loại củ ít tiết ra chất ngứa so với ngày *mông khươn*. Thời kỳ *Mông loách* từ ngày 17 đến ngày 30 trăng khuyết

dần, các loại cây củ có chất ngứa lại bắt đầu tăng lượng nhựa.

Lịch của người Thái cũng như người Khơ mú lấy các hiện tượng tự nhiên và sự biểu hiện thời tiết để phân định thời gian ước lệ chỉ dao động trong ba tháng của một năm. Quan niệm về sự thay đổi của vũ trụ được lặp lại là sau 12 chu kỳ tuần trăng tức là 354 ngày (năm thường) và 355 ngày (năm nhuận). Gắn với sự hiểu biết về thời tiết, mùa là các công việc sản xuất và sau đó là tết và lễ hội quan trọng trong năm. Nếu tính từ đầu năm đến cuối năm thì thứ tự các mùa là thu, đông, xuân, hạ (Viện Dân tộc học, 1977: 488).

Như vậy, thời vụ là vấn đề quan trọng được đồng bào hết sức quan tâm. Bởi vì, gắn với vấn đề thời vụ là điều chỉnh cây trồng thích hợp theo thời tiết trong năm để có thu hoạch cao về sản lượng. Thời tiết vùng núi và thung lũng ít gió bão và lũ lụt lớn như đồng bằng miền xuôi, nhưng lại hay có lốc xoáy đá gây ảnh hưởng không nhỏ đến thời vụ và thu hoạch. Chính vì vậy, sự điều chỉnh lịch gieo trồng trong những năm nhuận theo lịch âm rất được đồng bào Tày, Nùng chú ý, nhằm tránh những thay đổi bất thường về thời tiết, ảnh hưởng xấu đến cây trồng. Trong kỹ thuật và thời vụ canh tác ruộng nước cổ truyền của đồng bào Tày, Nùng, khái quát là “nhất thì, nhì thục”. Điều đó cũng có nghĩa, trong kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp cổ truyền, vì kỹ thuật và thời vụ là hai yếu tố đi liền nhau, nếu chỉ chú ý đến hệ thống kỹ thuật mà không có kinh nghiệm thời vụ sẽ thất thu. “*Bươn slam ván chả, bươn hà đăm nà*” (tháng Ba gieo mạ, tháng Năm cấy lúa). Lúa cấy mùa chính vụ thường vào tiết cuối hè đầu thu, còn lúa cấy vào mùa khô là vụ phụ thì gọi là cấy chiêm. Vào tiết Đông chí,

lúa chiêm mới bắt đầu cấy thường là giống lúa nếp, nhưng vào thời gian đó trời vẫn còn rét đậm không phù hợp với cây mạ non nên chỉ ruộng nào có đủ nước mới có thể cấy được vụ chiêm.

3. Cách tính ngày tốt, xấu và những kiêng kỵ liên quan đến sản xuất nông nghiệp

Theo quan niệm của người Dao, năm nhuận là năm không tốt, có nhiều bất lợi hay xảy ra, thường mất mùa hoặc gia súc bị mắc bệnh dịch, người ốm đau... Đồng bào Dao tính ngày, tháng, năm theo lục giáp gồm 10 can và 12 chi, gọi tên theo 12 con vật không khác với âm lịch của người Việt là lấy con chuột làm khởi đầu (một số nơi lấy con hổ xếp đầu) và đếm theo thứ tự. Trong 12 giờ, 12 ngày, 12 tháng, người ta chia ra giờ tốt, ngày tốt, tháng tốt và giờ xấu, ngày xấu, tháng xấu. Về cách tính, trong trường hợp không phụ thuộc vào số mệnh của người nào đó thì dựa vào bậc can chi của ngày, tháng, năm mà các con vật đứng tên để tìm giờ, ngày hoặc tháng tốt hay xấu. Cụ thể, muốn tính tháng tốt trong năm thì trước hết tra xem năm đó mang tên con vật gì, sau đó, tìm tháng mang tên của năm là tháng tốt nhất. Muốn tìm các ngày tốt trong tháng thì trước tiên xem tháng ấy mang tên con vật nào rồi tìm những ngày trong tháng có tên con vật trùng với tên con vật của tháng là những ngày tốt, ngoài ra, những ngày không cùng tên với con vật của tháng cũng có những ngày tốt nhưng không bằng ngày trùng tên của tháng. Những ngày có tên con vật xung khắc với tên con vật của tháng là những ngày xấu. Thí dụ, tháng Giêng là tháng con hổ, và những ngày hổ trong tháng Giêng là những ngày tốt, ngoài ra, ngày con gà cũng là ngày tốt vì gà ở trên cây có cánh bay không xung với hổ về thức ăn hoặc cắn xé nhau, còn những ngày chó là ngày xấu

do chó có xung khắc với hổ và gà; tháng Hai là tháng con mèo, những ngày mèo trong tháng là ngày tốt, còn những ngày gà là xấu... Với cách tính như vậy, người ta có thể dễ dàng tìm được những giờ tốt trong một ngày nếu biết giờ khởi điểm, tìm được các ngày tốt trong một năm.

Với người Hmông, trong tháng Ba, vào ngày có tiếng sấm đầu tiên kiêng không gieo mạ. Họ cho rằng, tiếng sấm đầu năm là ngày phát lửa sẽ thiêu cháy mọi vật, nếu gieo trồng vào ngày này thì sẽ bị mất trắng.

Lịch của người Thái đen ở Tây Bắc là loại lịch căn cứ vào sự thay đổi của mặt trăng, mỗi một chu kỳ thay đổi của mặt trăng là một tháng. Ngày đầu tháng là ngày bắt đầu có trăng, cuối tháng là ngày không trăng (gọi là *bườn đấp*). Cách đếm 30 ngày này đã có từ xa xưa, vì người Thái có ca dao về trăng tròn, trăng khuyết.

Các tác phẩm cổ và ca dao của người Thái đã dùng tháng để chỉ khí hậu, thời tiết, chẳng hạn:

Tháng Giêng mưa rả rích (*Bườn Chiềng phôn lú li*);

Tháng Hai nơi mưa nơi không (*Bườn Nhi ti phôn ti báu*);

Tháng Ba nước đầy bến (*Bườn Xăm năm dăm ta*);

Tháng Tư nước ri phai (*Bườn Xi năm hi kôn*);

Tháng Năm mưa giã từ bông lau (*Bườn Hà phôn xăng lău*);

Tháng Sáu sấm suông lạnh cóng (*Bườn Hốc phạ lằng lạnh kưm nào*);

Tháng Bảy gió cuộn gió lùa (*Bườn Chết lôm chệt lôm chu*);

Tháng Tám giá hanh khô (*Bườn Pét đét lạnh hương lôm òn*);

Tháng Chín trời sầu gió lạnh (*Bườn Kâu phạ xầu hương mồn mĩa*);

Tháng Mười hoa “píp” rộ rừng ngàn
(*Buôn Xíp bók píp hua nău đòng*);

Tháng Mười một mưa lũ (*Buôn Xíp ét
năm nong*);

Tháng Mười hai nước tràn (*Buôn Xíp
xòng năm mã*).

(Ông Điêu Văn Minh, người dân tộc Thái ở Mường Giàng, huyện Quỳnh Nai, Sơn La sưu tầm, cung cấp cho tác giả).

Bằng việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên, cây cỏ xung quanh mình mà người Thái có cách tính lịch cổ điển nhất, đó chính là những cơ sở thực tế cổ xưa nhất để con người làm nên lịch phục vụ chính cuộc sống của mình. Lịch của người Thái đen Tây Bắc cùng với những giá trị văn hóa khác làm nên bản sắc của một tộc người rất đáng trân trọng và giữ gìn.

III. Kết luận

Cách phán đoán thời tiết, thời vụ của đồng bào các dân tộc thiểu số đã được tích lũy từ đời này qua đời khác. Để phục vụ tốt cho công việc sản xuất và sinh hoạt, hiện nay, đồng bào đã biết kết hợp giữa tri thức dân gian và các kiến thức khoa học liên quan đến dự báo thời tiết. Người ta vừa xem xét và dựa vào các hiện tượng tự nhiên, đồng thời, vừa theo dõi các phương tiện thông tin đại chúng có nói về thời tiết, thời vụ để cuộc sống và sinh hoạt của con người ngày một thích ứng với những biến đổi phức tạp của môi trường tự nhiên miền núi.

Sự sáng tạo ra lịch và nông lịch chứa đựng trong nó những hiểu biết về vũ trụ, thiên văn, các hiện tượng tự nhiên, về khí hậu và thời tiết nói chung. Các nhà khoa học đã chứng minh rằng, lịch ra đời trước hết là

do yêu cầu của sản xuất nông nghiệp. Việt Nam cũng như một số nước Đông Nam Á thường sử dụng loại lịch Âm - Dương mà trong một số công trình còn gọi là lịch ta. Loại lịch này gần như được đồng nhất với lịch 12 con giáp, hay còn gọi là lịch can chi. Loại lịch này cũng được nhiều cư dân thiểu số như Tày, Nùng, Thái, Khơ mú... biết đến từ lâu và người ta vẫn dùng nó để xem xét các hiện tượng thiên văn, thời tiết, tính toán mùa vụ cho công việc gieo trồng, xem ngày, tháng cho việc tổ chức các sự kiện quan trọng của cộng đồng, của gia đình và thậm chí là của mỗi cá nhân □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Hữu Bình (1998), *Các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam và môi trường*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Lê Trọng Cúc, Kathllen Gillogy, A. Terry Rambo (1990), *Hệ sinh thái nông nghiệp trung du miền Bắc Việt Nam*, Viện Môi trường và chính sách, Trung tâm Đông - Tây, Hà Nội.
3. Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (chủ biên, 1999), *Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
4. Viện Dân tộc học (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Viện Dân tộc học (1999), *Dân tộc Khơ mú ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.